

STT	STT	Tên	Trạng thái đạt	Tiến độ chương trình đào tạo														Thời gian đạt	Thời gian đã học			
				[2026] Bảng điểm B số sản																		
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTĐB				Mô phỏng								
Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm	Trạng thái đạt									
column								Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái	Điểm	Trạng thái đạt							
1	86	CHU MINH TÙNG	Đạt	8.06	Đạt	8.99	Đạt	8.81	Đạt	7.95	Đạt	7	Đạt	7.72	Đạt	8.15	Đạt	120:51:47	ĐẠT			
2	7	NGÔ VĂN VIỆT ANH	Đạt	9.5	Đạt	8.1	Đạt	9.1	Đạt	7.31	Đạt	7.02	Đạt	7.09	Đạt	7.45	Đạt	119:37:16				
3	13	PHẠM GIA BẢO	Đạt	7.08	Đạt	8.74	Đạt	7.95	Đạt	8.73	Đạt	7.04	Đạt	7.28	Đạt	8.55	Đạt	117:33:21				
4	65	ĐINH TRỌNG QUÂN	Đạt	8	Đạt	8	Đạt	8.47	Đạt	7.34	Đạt	7.41	Đạt	7.24	Đạt	8.33	Đạt	116:40:48				
5	8	NGUYỄN DUY ANH	Đạt	7.9	Đạt	7	Đạt	8.33	Đạt	7.35	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	10	Đạt	116:33:58				
6	85	NGUYỄN ANH TÚ	Đạt	7.78	Đạt	7.05	Đạt	8.33	Đạt	7.12	Đạt	7.02	Đạt	7.24	Đạt	10	Đạt	116:24:48				
7	48	NGUYỄN TIẾN LỢI	Đạt	8.01	Đạt	7.47	Đạt	9.16	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.3	Đạt	8.68	Đạt	116:00:24				
8	35	ĐÀO DUY HOÀNG	Đạt	7.7	Đạt	7.31	Đạt	7.83	Đạt	9.25	Đạt	7.1	Đạt	7	Đạt	7.08	Đạt	115:57:05				
9	68	PHẠM MINH QUÂN	Đạt	8	Đạt	7	Đạt	8.33	Đạt	8.31	Đạt	7.07	Đạt	7.2	Đạt	7.1	Đạt	115:40:04				
10	3	VŨ QUỐC PHÒNG	Đạt	10	Đạt	7.21	Đạt	7.09	Đạt	7.04	Đạt	7.37	Đạt	7.1	Đạt	8.63	Đạt	115:28:47				
11	4	NGUYỄN HOÀNG AN	Đạt	8.92	Đạt	7.3	Đạt	8.33	Đạt	7.06	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	8.5	Đạt	115:06:30				
12	61	NGUYỄN TUẤN PHONG	Đạt	9.04	Đạt	7.77	Đạt	7.19	Đạt	7.6	Đạt	7.02	Đạt	7.1	Đạt	7.3	Đạt	114:16:21				
13	76	VŨ QUANG THẮNG	Đạt	8.5	Đạt	7.52	Đạt	8.87	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.18	Đạt	114:01:01				
14	30	ĐỖ KIM HIỂN	Đạt	7.63	Đạt	7.96	Đạt	8.72	Đạt	7.17	Đạt	7.03	Đạt	7.04	Đạt	7.05	Đạt	113:19:46				
15	2	ĐOÀN HẢI LÂM	Đạt	7.09	Đạt	8.46	Đạt	7.1	Đạt	7.86	Đạt	7.2	Đạt	7.02	Đạt	7.78	Đạt	112:59:15				
16	73	NGUYỄN VĂN QUYẾT	Đạt	7.2	Đạt	7.03	Đạt	7.22	Đạt	8.79	Đạt	7.05	Đạt	7.26	Đạt	7.2	Đạt	112:42:08				
17	10	NGUYỄN TIẾN ANH	Đạt	8.14	Đạt	7.11	Đạt	8.61	Đạt	7.1	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7.58	Đạt	112:28:40				
18	37	HOÀNG PHI HÙNG	Đạt	7.03	Đạt	7.49	Đạt	7.84	Đạt	7.02	Đạt	7.78	Đạt	7	Đạt	7.7	Đạt	112:25:38				
19	26	ĐẶNG XUÂN DUY	Đạt	7.22	Đạt	8.14	Đạt	7.12	Đạt	7.04	Đạt	7.12	Đạt	7.63	Đạt	8.7	Đạt	112:09:17				
20	80	LÊ VĂN THỦY	Đạt	7.51	Đạt	7.04	Đạt	7.09	Đạt	7	Đạt	7.16	Đạt	8	Đạt	10	Đạt	112:00:30				
21	31	ĐẶNG LÊ HIẾU	Đạt	7.56	Đạt	7.42	Đạt	7.58	Đạt	7.27	Đạt	7.1	Đạt	7.4	Đạt	7.4	Đạt	111:38:06				
22	32	NGUYỄN MINH HIẾU	Đạt	7.22	Đạt	9.01	Đạt	7.06	Đạt	7.09	Đạt	7.02	Đạt	7.01	Đạt	7.08	Đạt	111:21:50				
23	5	ĐÀO XUÂN TUẤN ANH	Đạt	8.53	Đạt	7.1	Đạt	7.15	Đạt	7.12	Đạt	7.05	Đạt	7.06	Đạt	7.2	Đạt	110:59:22				
24	21	TRẦN HẢI ĐĂNG	Đạt	9.09	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.07	Đạt	7.03	Đạt	110:48:57				
25	11	NGUYỄN VĂN TUẤN ANH	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	8.46	Đạt	8.58	Đạt	110:45:06				
26	56	NGUYỄN HOÀNG MINH	Đạt	7.17	Đạt	7	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.38	Đạt	7.6	Đạt	110:42:38				
27	39	NGUYỄN QUANG HƯNG	Đạt	7.37	Đạt	7.46	Đạt	8.06	Đạt	7.18	Đạt	7.01	Đạt	7.02	Đạt	7.45	Đạt	110:39:30				
28	44	NGUYỄN TRẦN KIẾN	Đạt	8.08	Đạt	7.03	Đạt	7.24	Đạt	7.55	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.4	Đạt	110:37:05				
29	6	LÊ QUANG TUẤN ANH	Đạt	7.53	Đạt	7.49	Đạt	7.03	Đạt	7.19	Đạt	7.11	Đạt	7.11	Đạt	8.95	Đạt	110:28:32				
30	67	NGUYỄN MINH QUÂN	Đạt	7.04	Đạt	7.03	Đạt	7.02	Đạt	7.07	Đạt	7.25	Đạt	7.72	Đạt	8.53	Đạt	110:08:40				
31	19	NGUYỄN VIỆT CƯỜNG	Đạt	7.22	Đạt	7.13	Đạt	7.13	Đạt	7.02	Đạt	7.22	Đạt	7.17	Đạt	9.55	Đạt	110:00:29				
32	47	NGUYỄN THUY LINH	Đạt	7.2	Đạt	7.04	Đạt	7.01	Đạt	7.47	Đạt	7.32	Đạt	7.05	Đạt	7.03	Đạt	109:29:26				
33	79	PHÍ ĐẮC THỰC	Đạt	7.08	Đạt	7.49	Đạt	7.01	Đạt	7.34	Đạt	7.16	Đạt	7.02	Đạt	7.8	Đạt	109:24:17				
34	25	NGUYỄN ĐÌNH DƯƠNG	Đạt	7.35	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.5	Đạt	7.02	Đạt	7.21	Đạt	7.55	Đạt	109:10:34				
35	66	NGUYỄN ANH QUÂN	Đạt	7.16	Đạt	7.04	Đạt	7.49	Đạt	7.53	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	7.1	Đạt	109:09:54				
36	29	NGUYỄN VĂN HÂN	Đạt	7.52	Đạt	7.01	Đạt	7.01	Đạt	7.2	Đạt	7.06	Đạt	7.01	Đạt	9.1	Đạt	109:02:37				
37	12	TRẦN VIỆT ANH	Đạt	7.22	Đạt	7.14	Đạt	7.03	Đạt	7.38	Đạt	7	Đạt	7.05	Đạt	8.55	Đạt	108:53:01				
38	43	TRỊNH HỒNG KHÁNH	Đạt	7.13	Đạt	7.06	Đạt	7.66	Đạt	7.03	Đạt	7.03	Đạt	7.07	Đạt	7.15	Đạt	108:24:17				
39	89	TRẦN THANH VINH	Đạt	7	Đạt	7.14	Đạt	7.06	Đạt	7.26	Đạt	7.01	Đạt	7.08	Đạt	8.5	Đạt	108:16:59				
40	14	BÙI TRÍ CÔNG	Đạt	7.04	Đạt	7.61	Đạt	7.01	Đạt	7.06	Đạt	7.04	Đạt	7.03	Đạt	7.28	Đạt	108:11:50				
41	40	ĐOÀN QUANG HUY	Đạt	7.11	Đạt	7	Đạt	7.07	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	10	Đạt	108:02:05				
42	16	TRẦN VĂN CỬ	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7.13	Đạt	7	Đạt	7.19	Đạt	7.05	Đạt	7.78	Đạt	107:55:07				
43	49	LÊ VĂN LONG	Đạt	7.13	Đạt	7.06	Đạt	7.01	Đạt	7.06	Đạt	7.04	Đạt	7.22	Đạt	7.6	Đạt	107:52:07				
44	84	LÊ XUÂN TRƯỜNG	Đạt	7.01	Đạt	7.32	Đạt	7.03	Đạt	7.02	Đạt	7.14	Đạt	7.01	Đạt	7.1	Đạt	107:45:10				
45	57	NGUYỄN HOÀI NAM	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7.07	Đạt	7.08	Đạt	7	Đạt	7.11	Đạt	7.68	Đạt	107:22:13				
46	24	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.1	Đạt	7.09	Đạt	7.09	Đạt	7.33	Đạt	107:21:12				
47	15	PHẠM VĂN CÔNG	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.07	Đạt	7.21	Đạt	7.05	Đạt	107:14:25				
48	46	ĐỖ PHƯƠNG LINH	Đạt	7.06	Đạt	7.02	Đạt	7.07	Đạt	7.03	Đạt	7.04	Đạt	7.11	Đạt	7	Đạt	107:10:23				
49	77	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Đạt	7.05	Đạt	7.08	Đạt	7.08	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7.5	Đạt	107:01:04				
50	88	TRẦN VĂN VIỆT	Đạt	7.03	Đạt	7.05	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	7.43	Đạt	107:00:13				
51	64	LƯƠNG ĐỨC PHÚC	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	7.53	Đạt	106:57:03				
52	62	TẠ ĐÌNH PHONG	Đạt	7.01	Đạt	7.1	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.68	Đạt	106:52:39				
53	22	BÙI TIẾN ĐẠT	Đạt	7.17	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7.1	Đạt	106:49:09				
54	82	PHẠM QUANG TRUNG	Chưa đạt	10	Đạt	10	Đạt	10	Đạt	7.92	Đạt	5.23	Chưa đạt	7.05	Đạt	7.95	Đạt	121:50:29				
55	34	PHẠM THỊ HOA	Chưa đạt	10	Đạt	7.54	Đạt	7.42	Đạt	6.85	Chưa đạt	6.73	Chưa đạt	9.14	Đạt	7.05	Đạt	119:00:29				
56	17	ĐÀM KHÁNH CƯỜNG	Chưa đạt	10	Đạt	9.62	Đạt	10	Đạt	7.02	Đạt	7	Đạt	3.04	Chưa đạt	7.05	Đạt	116:12:17				
57	52	TRẦN ĐỨC MẠNH	Chưa đạt	8.24	Đạt	7	Đạt	8.33	Đạt	7.03	Đạt	7.03	Đạt	7.12	Đạt	0	Chưa đạt	114:10:26				

STT	STT	Tên	Tiến độ chương trình đào tạo															Thời gian đã học		
			Trạng thái đạt	[2026] Bảng điểm B số sản																Thời gian đạt
				Đạo đức, VHGT, PCCC		Kỹ thuật lái xe		Cấu tạo sửa chữa		Pháp luật GTĐB				Mô phỏng						
				Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	Điểm	Trạng thái đạt	PL1 - Luật trật tự, ATGT		PL2 - Biển báo		PL3 - Xử lý THGT		Điểm	Trạng thái đạt			
58	45	ĐẠO ANH KIẾT	Chưa đạt	10	Đạt	8.42	Đạt	8.33	Đạt	7.14	Đạt	7.22	Đạt	2.43	Chưa đạt	2.48	Chưa đạt	110:18:03		
59	71	TRẦN MINH QUYỀN	Chưa đạt	7.53	Đạt	7.44	Đạt	8.33	Đạt	7.34	Đạt	7.08	Đạt	5.32	Chưa đạt	7.45	Đạt	109:49:05		
60	75	NGUYỄN DUY THÁI	Chưa đạt	7.06	Đạt	7.49	Đạt	8.89	Đạt	7.01	Đạt	7.03	Đạt	4.4	Chưa đạt	3.45	Chưa đạt	107:21:04		
61	74	LÊ HOÀNG SƠN	Chưa đạt	9.5	Đạt	7	Đạt	8.89	Đạt	7.31	Đạt	7.04	Đạt	2.86	Chưa đạt	0	Chưa đạt	107:07:51		
62	69	BÙI ĐĂNG QUANG	Chưa đạt	8.57	Đạt	7.08	Đạt	7.83	Đạt	8.08	Đạt	7.01	Đạt	2.46	Chưa đạt	7.5	Đạt	106:03:04		
63	83	PHẠM QUANG TRUNG	Chưa đạt	8	Đạt	7	Đạt	8.48	Đạt	7.23	Đạt	7.12	Đạt	4.5	Chưa đạt	7.28	Đạt	106:02:11		
64	18	HOÀNG MẠNH CƯỜNG	Chưa đạt	7.01	Đạt	7	Đạt	7.24	Đạt	7.32	Đạt	7.33	Đạt	5.33	Chưa đạt	7.6	Đạt	105:22:09		
65	50	NGUYỄN HOÀNG LONG	Chưa đạt	7.87	Đạt	7.48	Đạt	8.9	Đạt	7	Đạt	7.06	Đạt	4.46	Chưa đạt	3.93	Chưa đạt	105:09:30		
66	41	NGUYỄN QUANG HUY	Chưa đạt	7.62	Đạt	7.11	Đạt	7.98	Đạt	7.8	Đạt	7.02	Đạt	4.5	Chưa đạt	0.43	Chưa đạt	104:49:10		
67	78	HOÀNG ANH THU	Chưa đạt	7.03	Đạt	7.51	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	7	Đạt	6.29	Chưa đạt	1.58	Chưa đạt	104:06:25		
68	42	NGUYỄN BẢO KHÁNH	Chưa đạt	8.41	Đạt	7.22	Đạt	8.33	Đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	3.84	Chưa đạt	0	Chưa đạt	102:49:59		
69	23	NGUYỄN QUANG ĐỨC	Chưa đạt	7.17	Đạt	7.08	Đạt	7.91	Đạt	7.06	Đạt	7.01	Đạt	3.56	Chưa đạt	7.35	Đạt	101:14:02		
70	63	PHAN XUÂN PHÚ	Chưa đạt	7.02	Đạt	7.2	Đạt	7.08	Đạt	7.04	Đạt	6.98	Chưa đạt	4.36	Chưa đạt	7.05	Đạt	100:24:37		
71	1	NGUYỄN HOÀNG HIỆP	Chưa đạt	7.01	Đạt	8.08	Đạt	8.77	Đạt	7	Đạt	7.19	Đạt	2.76	Chưa đạt	0	Chưa đạt	100:24:01		
72	51	HOÀNG TRỌNG MẠNH	Chưa đạt	9.44	Đạt	7	Đạt	8.42	Đạt	7.06	Đạt	6.06	Chưa đạt	2.12	Chưa đạt	8.58	Đạt	99:24:52		
73	36	LÊ THỊ DIỆU HỒNG	Chưa đạt	8.41	Đạt	7.15	Đạt	8.03	Đạt	7.11	Đạt	7.12	Đạt	2.11	Chưa đạt	0	Chưa đạt	98:28:36		
74	58	PHẠM HOÀI NAM	Chưa đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.41	Đạt	7.06	Đạt	7.01	Đạt	1.22	Chưa đạt	7.23	Đạt	95:43:14		
75	54	NGUYỄN BÌNH MINH	Chưa đạt	7.2	Đạt	7.03	Đạt	7.16	Đạt	7.62	Đạt	7	Đạt	1.53	Chưa đạt	8.55	Đạt	95:36:55		
76	60	LÊ HỒNG PHONG	Chưa đạt	8.98	Đạt	7	Đạt	7.67	Đạt	7.04	Đạt	7	Đạt	1.47	Chưa đạt	0	Chưa đạt	95:05:03		
77	59	TRẦN BÁ HẢI NAM	Chưa đạt	7.06	Đạt	7.08	Đạt	7.16	Đạt	7.47	Đạt	7.16	Đạt	2.06	Chưa đạt	0	Chưa đạt	93:36:26		
78	72	NGUYỄN ĐẠT QUYẾT	Chưa đạt	8	Đạt	7.93	Đạt	8.33	Đạt	7.78	Đạt	4.46	Chưa đạt	1.92	Chưa đạt	8.55	Đạt	93:22:14		
79	20	NGUYỄN QUỐC ĐẠI	Chưa đạt	7.7	Đạt	9.24	Đạt	7.24	Đạt	7.01	Đạt	6.79	Chưa đạt	0.4	Chưa đạt	0	Chưa đạt	92:56:31		
80	81	NGUYỄN BẢO TRẦN	Chưa đạt	7.28	Đạt	7.01	Đạt	7.32	Đạt	7.17	Đạt	7	Đạt	1.92	Chưa đạt	0.68	Chưa đạt	92:46:03		
81	53	ĐẶNG NHẬT MINH	Chưa đạt	7.38	Đạt	7.47	Đạt	7.46	Đạt	7.05	Đạt	5.23	Chưa đạt	3.15	Chưa đạt	7.03	Đạt	92:21:01		
82	70	NGUYỄN MẠNH QUÝ	Chưa đạt	7.17	Đạt	7.07	Đạt	7.07	Đạt	7.02	Đạt	7.01	Đạt	0.78	Chưa đạt	1.75	Chưa đạt	90:13:53		
83	27	TRỊNH TRƯỜNG GIANG	Chưa đạt	7	Đạt	7.02	Đạt	7.14	Đạt	7.03	Đạt	7.01	Đạt	0.96	Chưa đạt	0	Chưa đạt	89:33:20	NGUY HIỂM	
84	9	NGUYỄN HÀ BẢO ANH	Chưa đạt	7.52	Đạt	8.22	Đạt	7.01	Đạt	7.04	Đạt	3.65	Chưa đạt	3.9	Chưa đạt	7.03	Đạt	89:31:27		
85	28	PHẠM THANH HẢI	Chưa đạt	8.72	Đạt	7.19	Đạt	8.33	Đạt	7.57	Đạt	3.25	Chưa đạt	1.55	Chưa đạt	7.85	Đạt	86:43:34		
86	87	LÊ VŨ HUY TÙNG	Chưa đạt	7.38	Đạt	7.42	Đạt	7.18	Đạt	7.36	Đạt	3.25	Chưa đạt	2.03	Chưa đạt	7.3	Đạt	81:55:41		
87	55	NGUYỄN ĐÌNH MINH	Chưa đạt	8.84	Đạt	7	Đạt	8.89	Đạt	5.88	Chưa đạt	3.25	Chưa đạt	1.2	Chưa đạt	0	Chưa đạt	81:32:42		
88	38	BÙI CÔNG HƯNG	Chưa đạt	7.41	Đạt	7.45	Đạt	7.04	Đạt	7.1	Đạt	2.49	Chưa đạt	1.28	Chưa đạt	7.18	Đạt	76:15:24		
89	33	NGUYỄN VĂN HIẾU	Chưa đạt	8.93	Đạt	7.32	Đạt	8.33	Đạt	4.03	Chưa đạt	3	Chưa đạt	0.8	Chưa đạt	0	Chưa đạt	75:11:06		

Thời điểm tạo: 15:46:39 13-08-2026

Người tạo báo cáo: admin (#30177595)

NGUY HIỂM